

Số: /BC-SGDĐT

Điện Biên, ngày tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Về quản lý thông tin BDTX cho GV và CBQL CSGD (Báo cáo TEMIS) của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên năm học 2023 - 2024

Căn cứ Công văn số 2104/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 12/5/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2023 và các năm tiếp theo. Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo TEMIS năm 2024 như sau:

PHẦN A: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI GIÁO VIÊN VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC THEO CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN VÀ CHUẨN HIỆU TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

A.1. Kết quả đánh giá và xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp

A.1.1. Kết quả GV hoàn thành đánh giá và xếp loại theo chuẩn so với tổng số GV theo cấp học

Tổng số giáo viên trên Hệ thống TEMIS là 12016 người (tăng 0,54% so với năm 2023), trong đó: nữ: 8489 người, dân tộc thiểu số: 6589 người; nữ dân tộc thiểu số: 4453 người; vùng khó khăn: 9896 người; Số giáo viên đã hoàn thành đánh giá 12008 người (đạt tỷ lệ 99,9%).

Cấp Mầm non có tỷ lệ giáo viên hoàn thành đánh giá đạt 99,9% (3825 người); cấp Tiểu học hoàn thành đánh giá đạt 100% (4101 người); cấp THCS hoàn thành đánh giá đạt 99,9% (2853 người); cấp THPT hoàn thành đánh giá đạt 100% (1233 người). Có 08 giáo viên (03 Mầm non, 01 Tiểu học, 04 THCS) không đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên năm học 2023-2024 do đều là giáo viên mới tuyển dụng, chưa đủ thời gian đánh giá.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu A.1.1)

A.1.2. Kết quả đánh giá, xếp loại chung của GV theo cấp học ở các mức TỐT, KHÁ, ĐẠT, CHƯA ĐẠT

Tổng số giáo viên đánh giá ở mức TỐT: 6655 người, đạt tỷ lệ 55,42%, (giảm 2,75% so với năm 2023), trong đó: nữ: 4951 người, dân tộc thiểu số: 3081 người, nữ dân tộc thiểu số: 2203 người, vùng khó khăn: 5223 người.

Tổng số giáo viên đánh giá ở mức KHÁ: 4945 người, đạt tỷ lệ 41,18% (tăng 11,98% so với năm 2023), trong đó: nữ: 3250 người, dân tộc thiểu số: 3187 người, nữ dân tộc thiểu số: 2031 người, vùng khó khăn: 4290 người.

Tổng số giáo viên đánh giá ở mức ĐẠT: 401 người, chiếm tỷ lệ 3,34% (giảm 15,4% so với năm 2023), trong đó: nữ: 276 người, dân tộc thiểu số: 313 người, nữ dân tộc thiểu số: 212 người, vùng khó khăn: 372 người.

Tổng số giáo viên đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT: 7 người, chiếm tỷ lệ 0,06% (giảm 36,36% so với năm 2023), trong đó: nữ: 5 người, dân tộc thiểu số: 4 người, nữ dân tộc thiểu số: 3 người, vùng khó khăn: 7 người.

Cấp THPT có tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức TỐT cao nhất (61,31%), cấp Mầm non có tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức TỐT thấp nhất (48,42%).

Giáo viên cấp Tiểu học có tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT cao nhất trong giáo viên các cấp (0,11%), cấp THCS, THPT có tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT thấp nhất (0%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu A.1.2)

A.2. Kết quả đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo chuẩn hiệu trưởng

A.2.1. Kết quả CBQL hoàn thành đánh giá và xếp loại theo chuẩn so với tổng số CBQL theo cấp học

Tổng số CBQL có trên Hệ thống TEMIS: 1231 người (giảm 0,32% so với năm 2023), trong đó: Hiệu trưởng: 451 người (nữ: 238 người, dân tộc thiểu số: 85 người, nữ dân tộc thiểu số: 50 người, vùng khó khăn: 364 người); Phó Hiệu trưởng: 780 người (nữ: 522 người, dân tộc thiểu số: 254 người, nữ dân tộc thiểu số: 161 người, vùng khó khăn 630 người).

Tổng số CBQL đã tham gia đánh giá: 1231 người, đạt tỷ lệ 100% (giảm 0,16% so với năm 2023), trong đó: Hiệu trưởng: 451 người (nữ: 238 người, dân tộc thiểu số: 85 người, nữ dân tộc thiểu số: 50 người, vùng khó khăn: 364 người); Phó Hiệu trưởng: 780 người (nữ: 522 người, dân tộc thiểu số: 254 người, nữ dân tộc thiểu số: 161 người, vùng khó khăn 630 người).

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu A.2.1)

A.2.2. Kết quả đánh giá, xếp loại chung CBQL theo cấp học ở các mức TỐT, KHÁ, ĐẠT, CHƯA ĐẠT

Tổng số CBQL đánh giá ở mức TỐT: 913 người, đạt tỷ lệ 74,17% (tăng 0,44% so với năm 2023); mức KHÁ: 314 người, đạt tỷ lệ 25,51% (giảm 1,57% so với năm 2023); mức ĐẠT: 4 người, đạt tỷ lệ 0,32% (giảm 20% so với năm 2023), không có CBQL bị đánh giá chưa đạt. Trong đó:

- Tổng số Hiệu trưởng đánh giá ở mức TỐT: 335 người, đạt tỷ lệ 74,28% (giảm 0,89% so với năm 2023), trong đó (nữ: 182 người, dân tộc thiểu số: 57 người, nữ dân tộc thiểu số: 36 người, vùng khó khăn: 272 người); mức KHÁ: 114 người, đạt tỷ lệ 25,28% (tăng 9,62% so với năm 2023), trong đó (nữ: 55 người, dân tộc thiểu số: 28 người, nữ dân tộc thiểu số: 14 người, vùng khó khăn: 91 người); mức ĐẠT: 2 người, chiếm tỷ lệ 0,44% (giảm 33,33% so với năm 2023), trong đó (nữ: 01 người, dân tộc thiểu số: 0 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 01 người); mức CHƯA ĐẠT: 0 người.

- Tổng số Phó Hiệu trưởng đã được đánh giá ở mức TỐT: 578 người, đạt tỷ lệ 74,1% (tăng 1,23% so với năm 2023), trong đó (nữ: 405 người, dân tộc thiểu số: 163 người, nữ dân tộc thiểu số: 102 người, vùng khó khăn: 460 người); mức KHÁ: 200 người, đạt tỷ lệ 25,64% (giảm 6,98% so với năm 2023), trong đó (nữ: 115 người, dân tộc thiểu số: 91 người, nữ dân tộc thiểu số: 59 người, vùng khó khăn: 170 người); mức ĐẠT: 2 người, chiếm tỷ lệ 0,26% (giữ nguyên so với năm 2023), trong đó (nữ: 02 người, dân tộc thiểu số: 0 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 0 người); mức CHƯA ĐẠT: 0 người.

Cấp Tiểu học có tỷ lệ CBQL được đánh giá ở mức TỐT cao nhất (80,84%), cấp THPT có tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức TỐT thấp nhất (66,67%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu A.2.2)

PHẦN B: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN

B.1. Kết quả trả lời phiếu khảo sát trực tuyến của GIÁO VIÊN về chương trình bồi dưỡng thường xuyên

B.1.1. Số lượng và tỷ lệ % GV trả lời phiếu khảo sát trực tuyến

Không có dữ liệu khảo sát.

B.1.2. Mức độ hài lòng với mô đun bồi dưỡng

Không có dữ liệu khảo sát.

B.2. Kết quả trả lời phiếu khảo sát trực tuyến của CBQL CSGD về chương trình bồi dưỡng thường xuyên

B.2.1. Số lượng CBQL CSGD trả lời phiếu khảo sát trực tuyến so với tổng số CBQL CSGD

Không có dữ liệu khảo sát.

B.2.2. Mức độ hài lòng với mô đun bồi dưỡng

Không có dữ liệu khảo sát.

PHẦN C: BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHU CẦU BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CỦA GIÁO VIÊN VÀ CBQL CSGD THEO CÁC TIÊU CHÍ TRONG CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN VÀ CHUẨN HIỆU TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

C.1. Nhu cầu bồi dưỡng dựa trên đánh giá theo chuẩn

C.1.1. Nhu cầu bồi dưỡng của GIÁO VIÊN

Tổng số giáo viên cấp Mầm non được đánh giá và xếp loại: 3.825 người. Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí:

- Tiêu chí 8, Quản lý nhóm, lớp: 175 người (đạt tỷ lệ 4,58%), trong đó: nữ 173 người, dân tộc thiểu số: 139 người, nữ dân tộc thiểu số: 137 người, vùng khó khăn: 164 người.

- Tiêu chí 10, Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường: 168 người (đạt tỷ lệ 4,39%), trong đó: nữ 166 người, dân tộc thiểu số: 144 người, nữ dân tộc thiểu số: 142 người, vùng khó khăn: 162 người.

- Tiêu chí 13, Sử dụng ngoại ngữ (ưu tiên tiếng Anh) hoặc tiếng dân tộc của trẻ em: 353 người (đạt tỷ lệ 9,23%), trong đó: nữ 351 người, dân tộc thiểu số: 253 người, nữ dân tộc thiểu số: 251 người, vùng khó khăn: 304 người.

- Tiêu chí 14, Ứng dụng công nghệ thông tin: 306 người (đạt tỷ lệ 8,0%), trong đó: nữ 304 người, dân tộc thiểu số: 249 người, nữ dân tộc thiểu số: 247 người, vùng khó khăn: 286 người.

- Tiêu chí 15, Thể hiện khả năng nghệ thuật trong hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ em: 258 người (đạt tỷ lệ 6,75%), trong đó: nữ 255 người, dân tộc thiểu số: 213 người, nữ dân tộc thiểu số: 210 người, vùng khó khăn: 242 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.1.1)

Tổng số giáo viên cấp Tiểu học được đánh giá và xếp loại: 4101 người. Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí:

- Tiêu chí 3, Phát triển chuyên môn bản thân: 96 người (đạt tỷ lệ 2,34%), trong đó: nữ 24 người, dân tộc thiểu số: 70 người, nữ dân tộc thiểu số: 10 người, vùng khó khăn: 87 người.

- Tiêu chí 4, Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh: 73 người (đạt tỷ lệ 1,78%), trong đó: nữ 20 người, dân tộc thiểu số: 57 người, nữ dân tộc thiểu số: 12 người, vùng khó khăn: 65 người.

- Tiêu chí 5, Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh: 74 người (đạt tỷ lệ 1,8%), trong đó: nữ 19 người, dân tộc thiểu số: 60 người, nữ dân tộc thiểu số: 12 người, vùng khó khăn: 67 người.

- Tiêu chí 14, Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc: 165 người (đạt tỷ lệ 4,02%), trong đó: nữ 96 người, dân tộc thiểu số: 92 người, nữ dân tộc thiểu số: 38 người, vùng khó khăn: 121 người.

- Tiêu chí 15, Ứng dụng công nghệ thông tin khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học giáo dục: 134 người (đạt tỷ lệ 3,27%), trong đó: nữ 44 người, dân tộc thiểu số: 104 người, nữ dân tộc thiểu số: 24 người, vùng khó khăn: 122 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.1.1)

Tổng số giáo viên cấp THCS được đánh giá và xếp loại: 2849 người. Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí:

- Tiêu chí 3, Phát triển chuyên môn bản thân: 23 người (đạt tỷ lệ 0,81%), trong đó: nữ 06 người, dân tộc thiểu số: 15 người, nữ dân tộc thiểu số: 4 người, vùng khó khăn: 22 người.

- Tiêu chí 5, Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh: 27 người (đạt tỷ lệ 0,95%), trong đó: nữ 11 người, dân tộc thiểu số: 20 người, nữ dân tộc thiểu số: 8 người, vùng khó khăn: 24 người.

- Tiêu chí 6, Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh: 22 người (đạt tỷ lệ 0,77%), trong đó: nữ 8 người, dân tộc thiểu số: 15 người, nữ dân tộc thiểu số: 6 người, vùng khó khăn: 19 người.

- Tiêu chí 14, Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc: 55 người (đạt tỷ lệ 1,93%), trong đó: nữ 31 người, dân tộc thiểu số: 16 người, nữ dân tộc thiểu số: 11 người, vùng khó khăn: 50 người.

- Tiêu chí 15, Ứng dụng công nghệ thông tin khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học giáo dục: 23 người (đạt tỷ lệ 0,81%), trong đó: nữ 07 người, dân tộc thiểu số: 12 người, nữ dân tộc thiểu số: 03 người, vùng khó khăn: 21 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.1.1)

Tổng số giáo viên cấp THPT được đánh giá và xếp loại: 1233 người. Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí:

- Tiêu chí 8, Xây dựng văn hóa nhà trường: 12 người (đạt tỷ lệ 0,97%), trong đó: nữ 5 người, dân tộc thiểu số: 8 người, nữ dân tộc thiểu số: 2 người, vùng khó khăn: 12 người.

- Tiêu chí 9, Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường: 10 người (đạt tỷ lệ 0,81%), trong đó: nữ 5 người, dân tộc thiểu số: 5 người, nữ dân tộc thiểu số: 2 người, vùng khó khăn: 10 người.

- Tiêu chí 11, Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan: 13 người (đạt tỷ lệ 1,05%), trong đó: nữ 6 người, dân tộc thiểu số: 10 người, nữ dân tộc thiểu số: 4 người, vùng khó khăn: 11 người.

+ Tiêu chí 14, Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc: 30 người (đạt tỷ lệ 2,43%), trong đó: nữ 13 người, dân tộc thiểu số: 5 người, nữ dân tộc thiểu số: 2 người, vùng khó khăn: 21 người.

- Tiêu chí 15, Ứng dụng công nghệ thông tin khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học giáo dục: 26 người (đạt tỷ lệ 2,11%), trong đó: nữ 12 người, dân tộc thiểu số: 10 người, nữ dân tộc thiểu số: 5 người, vùng khó khăn: 25 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.1.1)

C.1.2. Nhu cầu bồi dưỡng của CBQL CSGD

Tổng số CBQL CSGD cấp Mầm non được đánh giá và xếp loại 467 người. Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí:

- Tiêu chí 7, Quản trị nhân sự nhà trường: 50 người (đạt tỷ lệ 10,71%), trong đó: nữ 50 người, dân tộc thiểu số: 20 người, nữ dân tộc thiểu số: 20 người, vùng khó khăn: 41 người.

- Tiêu chí 8, Quản trị tổ chức hành chính nhà trường: 42 người (đạt tỷ lệ 8,99%), trong đó: nữ 42 người, dân tộc thiểu số: 16 người, nữ dân tộc thiểu số: 16 người, vùng khó khăn: 28 người.

- Tiêu chí 9, Quản trị tài chính nhà trường: 93 người (đạt tỷ lệ 19,91%), trong đó: nữ 93 người, dân tộc thiểu số: 27 người, nữ dân tộc thiểu số: 27 người, vùng khó khăn: 58 người.

- Tiêu chí 10, Quản trị cơ sở vật chất đồ dùng đồ chơi thiết bị dạy học của nhà trường: 39 người (đạt tỷ lệ 8,35%), trong đó: nữ 39 người, dân tộc thiểu số: 8 người, nữ dân tộc thiểu số: 8 người, vùng khó khăn: 24 người.

- Tiêu chí 17, Sử dụng ngoại ngữ: 6 người (đạt tỷ lệ 1,28%), trong đó: nữ 6 người, dân tộc thiểu số: 0 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 2 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.1.2)

Tổng số CBQL CSGD cấp Tiểu học được đánh giá và xếp loại 381 người. Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí:

- Tiêu chí 4, Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường: 6 người (đạt tỷ lệ 1,57%), trong đó: nữ 5 người, dân tộc thiểu số: 2 người, nữ dân tộc thiểu số: 2 người, vùng khó khăn: 3 người.

- Tiêu chí 6, Quản trị nhân sự nhà trường: 19 người (đạt tỷ lệ 4,99%), trong đó: nữ 7 người, dân tộc thiểu số: 11 người, nữ dân tộc thiểu số: 3 người, vùng khó khăn: 16 người.

- Tiêu chí 7, Quản trị tổ chức hành chính nhà trường: 14 người (đạt tỷ lệ 3,67%), trong đó: nữ 6 người, dân tộc thiểu số: 6 người, nữ dân tộc thiểu số: 1 người, vùng khó khăn: 12 người.

- Tiêu chí 8, Quản trị tài chính nhà trường: 33 người (đạt tỷ lệ 8,66%), trong đó: nữ 13 người, dân tộc thiểu số: 17 người, nữ dân tộc thiểu số: 3 người, vùng khó khăn: 29 người.

- Tiêu chí 17, Sử dụng ngoại ngữ: 8 người (đạt tỷ lệ 2,1%), trong đó: nữ 4 người, dân tộc thiểu số: 1 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 5 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.1.2)

Tổng số CBQL CSGD cấp THCS được đánh giá và xếp loại 287 người. Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí:

- Tiêu chí 8, Quản trị tài chính nhà trường: 16 người (đạt tỷ lệ 5,57%), trong đó: nữ 5 người, dân tộc thiểu số: 2 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 14 người.

- Tiêu chí 9, Quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh của nhà trường: 10 người (đạt tỷ lệ 3,48%), trong đó: nữ 0 người, dân tộc thiểu số: 5 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 10 người.

- Tiêu chí 16, Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong huy động và sử dụng nguồn lực để phát triển nhà trường: 9 người (đạt tỷ lệ 3,14%), trong đó: nữ 1 người, dân tộc thiểu số: 4 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 8 người.

- Tiêu chí 17, Sử dụng ngoại ngữ: 10 người (đạt tỷ lệ 3,48%), trong đó: nữ 1 người, dân tộc thiểu số: 5 người, nữ dân tộc thiểu số: 1 người, vùng khó khăn: 10 người.

- Tiêu chí 18, Ứng dụng công nghệ thông tin: 7 người (đạt tỷ lệ 2,44%), trong đó: nữ 0 người, dân tộc thiểu số: 4 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 7 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.1.2)

Tổng số CBQL CSGD cấp THPT được đánh giá và xếp loại 96 người. Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí:

- Tiêu chí 6, Quản trị nhân sự nhà trường: 5 người (đạt tỷ lệ 5,21%), trong đó: nữ 2 người, dân tộc thiểu số: 2 người, nữ dân tộc thiểu số: 1 người, vùng khó khăn: 2 người.

- Tiêu chí 7, Quản trị tổ chức hành chính nhà trường: 2 người (đạt tỷ lệ 2,08%), trong đó: nữ 1 người, dân tộc thiểu số: 1 người, nữ dân tộc thiểu số: 1 người, vùng khó khăn: 2 người.

- Tiêu chí 8, Quản trị tài chính nhà trường: 11 người (đạt tỷ lệ 11,46%), trong đó: nữ 4 người, dân tộc thiểu số: 2 người, nữ dân tộc thiểu số: 1 người, vùng khó khăn: 7 người.

- Tiêu chí 9, Quản trị cơ sở vật chất thiết bị và công nghệ trong dạy học giáo dục học sinh của nhà trường: 2 người (đạt tỷ lệ 2,08%), trong đó: nữ 1 người, dân tộc thiểu số: 0 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 0 người.

- Tiêu chí 17, Sử dụng ngoại ngữ: 6 người (đạt tỷ lệ 6,25%), trong đó: nữ 3 người, dân tộc thiểu số: 1 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 5 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.1.2)

C.2. Nhu cầu bồi dưỡng theo mong muốn của giáo viên

*** Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên**

- Tổng số giáo viên cấp Mầm non đã tự đánh giá 3825 người.

+ Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tiêu chí 3, Phát triển chuyên môn bản thân (1422 người, chiếm tỷ lệ 37,18%).

+ Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn ít nhất là: Tiêu chí 5, Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ em (591 người, chiếm tỷ lệ 15,45%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2)

- Tổng số giáo viên cấp Tiểu học đã tự đánh giá 4101 người.

+ Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tiêu chí 3, Phát triển chuyên môn bản thân (1492 người, chiếm tỷ lệ 36,38%).

+ Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn ít nhất là: Tiêu chí 4, Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh (1002 người, chiếm tỷ lệ 24,43%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2)

- Tổng số giáo viên cấp THCS đã tự đánh giá 2849 người.

+ Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tiêu chí 3, Phát triển chuyên môn bản thân (1132 người, chiếm tỷ lệ 39,73%).

+ Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn ít nhất là: Tiêu chí 4, Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh (782 người, chiếm tỷ lệ 27,45%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2)

- Tổng số giáo viên cấp THPT đã tự đánh giá 1233 người.

+ Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tiêu chí 3, Phát triển chuyên môn bản thân (549 người, chiếm tỷ lệ 44,53%).

+ Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn ít nhất là: Tiêu chí 6, Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (360 người, chiếm tỷ lệ 29,2%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2)

*** Thời gian hoàn thành mô đun bồi dưỡng**

- Cấp Mầm non

+ Trong học kỳ 2: Nhu cầu chung 955 người (chiếm tỷ lệ 24,97%), trong đó: nữ: 951 người, dân tộc thiểu số: 617 người, nữ dân tộc thiểu số: 615 người, vùng khó khăn: 702 người.

+ Trong hè: Nhu cầu chung 864 người (chiếm tỷ lệ 22,59%), trong đó: nữ 855 người, dân tộc thiểu số: 611 người, nữ dân tộc thiểu số: 604 người, vùng khó khăn: 702 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2)

- Cấp Tiểu học

+ Trong hè: Nhu cầu chung 1080 người (chiếm tỷ lệ 26,34%), trong đó: nữ 611 người, dân tộc thiểu số: 615 người, nữ dân tộc thiểu số: 255 người, vùng khó khăn: 907 người.

+ Trong học kỳ 2: Nhu cầu chung 904 người (chiếm tỷ lệ 22,04%), trong đó: nữ: 527 người, dân tộc thiểu số: 476 người, nữ dân tộc thiểu số: 206 người, vùng khó khăn: 757 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2)

- Cấp THCS

+ Trong hè: Nhu cầu chung 833 người (chiếm tỷ lệ 29,24%), trong đó: nữ 469 người, dân tộc thiểu số: 325 người, nữ dân tộc thiểu số: 137 người, vùng khó khăn: 698 người.

+ Trong học kỳ 2: Nhu cầu chung 818 người (chiếm tỷ lệ 28,71%), trong đó: nữ: 481 người, dân tộc thiểu số: 267 người, nữ dân tộc thiểu số: 122 người, vùng khó khăn: 681 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2)

- Cấp THPT

+ Trong hè: Nhu cầu chung 396 người (chiếm tỷ lệ 32,12%), trong đó: nữ 249 người, dân tộc thiểu số: 98 người, nữ dân tộc thiểu số: 51 người, vùng khó khăn: 279 người.

+ Trong học kỳ 2: Nhu cầu chung 377 người (chiếm tỷ lệ 30,58%), trong đó: nữ: 245 người, dân tộc thiểu số: 82 người, nữ dân tộc thiểu số: 48 người, vùng khó khăn: 274 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2)

*** Điều kiện thực hiện**

- Cấp Mầm non

Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian là 1959 người, trong đó: nữ là 1944 người, dân tộc thiểu số là 1370 người, nữ dân tộc thiểu số là 1358 người, vùng khó khăn là 1556 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2)

- Cấp Tiểu học

Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian là 1893 người, trong đó: nữ là 1075 người, dân tộc thiểu số là 1037 người, nữ dân tộc thiểu số là 428 người, vùng khó khăn là 1589 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2)

- Cấp THCS

Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian là 1577 người, trong đó: nữ là 912 người, dân tộc thiểu số là 579 người, nữ dân tộc thiểu số là 264 người, vùng khó khăn là 1327 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2)

- Cấp THPT

Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian là 773 người, trong đó: nữ là 506 người, dân tộc thiểu số là 185 người, nữ dân tộc thiểu số là 109 người, vùng khó khăn là 562 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2)

C.3. Nhu cầu bồi dưỡng theo mong muốn của CBQL CSGD

*** Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng**

- Cấp Mầm non

+ Tổng số CBQL CSGD đã tự đánh giá 467 người.

+ Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tiêu chí 17, Sử dụng ngoại ngữ là 183 người (chiếm tỷ lệ 39,19%), trong đó: nữ: 183 người, dân tộc thiểu số: 50 người, nữ dân tộc thiểu số: 50 người, vùng khó khăn: 116 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3)

- Cấp Tiểu học

+ Tổng số CBQL CSGD đã tự đánh giá 381 người.

+ Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tiêu chí 17, Sử dụng ngoại ngữ là 125 người (chiếm tỷ lệ 32,81%), trong đó: nữ: 69 người, dân tộc thiểu số: 30 người, nữ dân tộc thiểu số: 12 người, vùng khó khăn: 106 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3)

- Cấp THCS

+ Tổng số CBQL CSGD đã tự đánh giá 287 người.

+ Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tiêu chí 17, Sử dụng ngoại ngữ là 107 người (chiếm tỷ lệ 37,28%), trong đó: nữ: 36 người, dân tộc thiểu số: 20 người, nữ dân tộc thiểu số: 4 người, vùng khó khăn: 94 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3)

- Cấp THPT

+ Tổng số CBQL CSGD đã tự đánh giá 96 người.

+ Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tiêu chí 8, Quản trị tài chính nhà trường là 29 người (chiếm tỷ lệ 30,21%), trong đó: nữ: 6 người, dân tộc thiểu số: 4 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 22 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3)

*** Thời gian hoàn thành mô đun bồi dưỡng**

- Cấp Mầm non

+ Trong hè: Nhu cầu chung 156 người (chiếm tỷ lệ 33,4%), trong đó: nữ 156 người, dân tộc thiểu số: 52 người, nữ dân tộc thiểu số: 52 người, vùng khó khăn: 118 người.

+ Trong học kỳ II: Nhu cầu chung 149 người (chiếm tỷ lệ 31,91%), trong đó: nữ: 147 người, dân tộc thiểu số: 59 người, nữ dân tộc thiểu số: 57 người, vùng khó khăn: 117 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3)

- Cấp Tiểu học

+ Trong hè: Nhu cầu chung 111 người (chiếm tỷ lệ 29,13%), trong đó: nữ 55 người, dân tộc thiểu số: 33 người, nữ dân tộc thiểu số: 10 người, vùng khó khăn: 104 người.

+ Trong học kỳ II: Nhu cầu chung 103 người (chiếm tỷ lệ 27,03%), trong đó: nữ: 53 người, dân tộc thiểu số: 32 người, nữ dân tộc thiểu số: 8 người, vùng khó khăn: 90 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3)

- Cấp THCS

+ Trong hè: Nhu cầu chung 112 người (chiếm tỷ lệ 39,02%), trong đó: nữ 37 người, dân tộc thiểu số: 22 người, nữ dân tộc thiểu số: 4 người, vùng khó khăn: 97 người.

+ Trong học kỳ II: Nhu cầu chung 81 người (chiếm tỷ lệ 28,22%), trong đó: nữ: 25 người, dân tộc thiểu số: 17 người, nữ dân tộc thiểu số: 4 người, vùng khó khăn: 70 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3)

- Cấp THPT

+ Trong hè: Nhu cầu chung 46 người (chiếm tỷ lệ 47,92%), trong đó: nữ 12 người, dân tộc thiểu số: 3 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 33 người.

+ Trong học kỳ II: Nhu cầu chung 36 người (chiếm tỷ lệ 37,5%), trong đó: nữ: 8 người, dân tộc thiểu số: 5 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 23 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3)

*** Điều kiện thực hiện**

- Cấp Mầm non: Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian là 295 người (chiếm tỷ lệ 63,17%), trong đó: nữ: 293 người, dân tộc thiểu số: 106 người, nữ dân tộc thiểu số: 104 người, vùng khó khăn: 221 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3)

- Cấp Tiểu học: Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian là 180 người (chiếm tỷ lệ 47,24%), trong đó: nữ: 93 người, dân tộc thiểu số: 54 người, nữ dân tộc thiểu số: 15 người, vùng khó khăn: 152 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3)

- Cấp THCS: Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian là 172 người (chiếm tỷ lệ 59,93%), trong đó: nữ: 55 người, dân tộc thiểu số: 39 người, nữ dân tộc thiểu số: 8 người, vùng khó khăn: 152 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3)

- Cấp THPT

Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian là 67 người (chiếm tỷ lệ 69,79%), trong đó: nữ: 17 người, dân tộc thiểu số: 10 người, nữ dân tộc thiểu số: 1 người, vùng khó khăn: 48 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3)

PHẦN D: ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên đã triển khai tập huấn cho CBQL, giáo viên phụ trách TEMIS các đơn vị trực thuộc, các phòng Giáo dục và Đào tạo về hệ thống phần mềm, chỉ đạo thực hiện đến 100% cơ sở giáo dục phổ thông trong toàn tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với đơn vị cung cấp hệ thống là Viettel Điện Biên trong quá trình triển khai thực hiện. Viettel Điện Biên tích cực hỗ trợ giáo viên trong việc rà soát, cấp tài khoản và cập nhật dữ liệu lên hệ thống.

Tỷ lệ hoàn thành cập nhật đánh giá chuẩn nghề nghiệp trên hệ thống cao. Có 7/10 Phòng Giáo dục và Đào tạo và 33/33 đơn vị trường trực thuộc Sở GDĐT hoàn thành đạt tỷ lệ 100%.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Dữ liệu về đánh giá xếp loại theo Chuẩn Hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trên Hệ thống thông tin quản lý đào tạo và bồi dưỡng giáo viên (TEMIS) chưa liên thông với phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành do Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai. Do vậy gây khó khăn, vất vả cho cơ sở trong quá trình nhập liệu.

3. Kiến nghị, đề xuất

Liên thông dữ liệu đánh giá xếp loại theo Chuẩn Hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trên Hệ thống thông tin quản lý đào tạo và bồi dưỡng giáo viên (TEMIS) với phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành do Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai.

Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hệ thống TEMIS để giáo viên, cán bộ quản lý thực hiện đánh giá thuận tiện, đồng thời đề Sở Giáo dục và Đào tạo sử dụng hệ thống dữ liệu, xử lý số liệu thống kê phục vụ công tác cán bộ, công tác bồi dưỡng thường xuyên được thuận lợi và hiệu quả hơn. Hỗ trợ các Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác kiểm đếm minh chứng của giáo viên, cán bộ quản lý.

Trên đây là tình hình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2023 và các năm tiếp theo của tỉnh Điện Biên. Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục NGCBQLGD - Bộ GDĐT;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các phòng CMNV Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Đoạt